

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới và Quy định
việc đánh giá, công nhận và công bố xã đạt chuẩn nông thôn mới
vùng nông thôn tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2017 - 2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015;*

*Thực hiện Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16 tháng 8 năm 2016 của Thủ
tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng
nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;*

*Thực hiện Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2016 của
Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới
giai đoạn 2016 - 2020;*

*Thực hiện Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2016 của
Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ
sơ xét, công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương
hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;*

*Thực hiện Quyết định số 69/QĐ-BNN-VPĐP ngày 09 tháng 01 năm 2017
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Sổ tay
hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ
trình số 35/TTr-SNNPTNT ngày 06 tháng 3 năm 2017.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới và Quy định việc đánh giá, công nhận và công bố xã đạt chuẩn nông thôn mới vùng nông thôn tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2017 - 2020.

Điều 2. Nhiệm vụ của các sở, ngành:

1. Các sở, ngành liên quan căn cứ chức năng quản lý Nhà nước, ban hành các văn bản hướng dẫn đối với các tiêu chí, chỉ tiêu thuộc Bộ tiêu chí.

2. Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh tổng hợp hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương và các sở, ngành địa phương ban hành Sổ tay hướng dẫn chi tiết, cụ thể việc thực hiện và đánh giá Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới cho các địa phương thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2017 và thay thế Quyết định số 30/2014/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc ban hành Quy định việc đánh giá và công nhận đạt tiêu chí nông thôn mới giai đoạn 2014 - 2020 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, thủ trưởng các ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Văn phòng điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lưu Xuân Vĩnh

**BỘ TIÊU CHÍ VỀ XÃ NÔNG THÔN MỚI VÙNG NÔNG THÔN
TỈNH NINH THUẬN GIAI ĐOẠN 2017 - 2020**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND
ngày 31 tháng 5 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

I. QUY HOẠCH

STT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Xã 30a, xã ĐBK, xã bãi ngang	Xã còn lại
1	Quy hoạch	1.1 Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt và được công bố công khai đúng thời hạn	Đạt	Đạt	Đạt
		1.2 Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch .	Đạt	Đạt	Đạt

II. HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI

STT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Xã 30a, xã ĐBK, xã bãi ngang	Xã còn lại
2	Giao thông	2.1. Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hoá hoặc bê tông hoá, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	100%	100%	100%
		2.2. Đường trục thôn và đường liên thôn ít nhất được cứng hoá, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	≥ 70%	≥ 70%	≥ 70%
		2.3. Đường ngõ xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa	100% (≥ 70% cứng hoá)	100% (≥ 70% cứng hoá)	100% (≥ 70% cứng hoá)
		2.4. Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hoá thuận tiện quanh năm	100% (70% cứng hoá)	100% (50% cứng hoá)	100% (70% cứng hoá)
3	Thủy lợi	3.1 Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên	≥ 80%	≥ 40%	≥ 80%

		3.2 Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ.	Đạt	Đạt	Đạt
4	Điện	4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn	Đạt	Đạt	Đạt
		4.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	$\geq 98\%$	$\geq 98\%$	$\geq 98\%$
5	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia	$\geq 80\%$	$\geq 80\%$	$\geq 80\%$
6	Cơ sở vật chất văn hoá	6.1. Xã có nhà văn hoá hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hoá, thể thao của toàn xã.	Đạt	Đạt	Đạt
		6.2. xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt
		6.3. Tỷ lệ thôn có nhà văn hoá hoặc nơi sinh hoạt văn hoá, thể thao phục vụ cộng đồng	100%	100%	100%
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hoá.	Đạt	Đạt	Đạt
8	Thông tin và Truyền thông	8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính	Đạt	Đạt	Đạt
		8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, Internet	Đạt	Đạt	Đạt
		8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn	Đạt	Đạt	Đạt
		8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành.	Đạt	Đạt	Đạt
9	Nhà ở dân cư	9.1 Nhà tạm, dột nát	Không	Không	Không
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định.	$\geq 80\%$	$\geq 80\%$	$\geq 80\%$

III. KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT

STT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Xã 30a, xã ĐBK, xã bãi ngang	Xã còn lại
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đến năm 2020 (triệu đồng/người)	≥ 41	≥ 41	≥ 41
11	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016 - 2020	$\leq 5\%$	$\leq 5\%$	$\leq 5\%$

12	Lao động có việc làm	Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động.	$\geq 90\%$	Đạt	Đạt
13	Tổ chức sản xuất	13.1 Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012	Đạt	Đạt	Đạt
		13.2 Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững.	Đạt	Đạt	Đạt

IV. VĂN HOÁ - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG

STT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Xã 30a, xã ĐBK, xã bãi ngang	Xã còn lại
14	Giáo dục và Đào tạo	14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xoá mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở	Đạt	Đạt	Đạt
		14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp)	$\geq 85\%$	$\geq 85\%$	$\geq 85\%$
		14.3. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo	$\geq 40\%$	$\geq 40\%$	$\geq 40\%$
15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	$\geq 85\%$	Đạt	Đạt
		15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Đạt	Đạt	Đạt
		15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	$\leq 24,2\%$	$\leq 24,2\%$	$\leq 24,2\%$
16	Văn hoá	Tỷ lệ thôn đạt tiêu chuẩn văn hoá theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt
17	Môi trường và an toàn thực phẩm	17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định	$\geq 95\%$ ($\geq 60\%$ nước sạch)	$\geq 95\%$ ($\geq 60\%$ nước sạch)	$\geq 95\%$ ($\geq 60\%$ nước sạch)
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường.	100 %	100 %	100 %
		17.3. Xây dựng cảnh quan môi trường xanh - sạch - đẹp.	Đạt	Đạt	Đạt
		17.4. Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch	Đạt	Đạt	Đạt

17 (tt)	Môi trường và an toàn thực phẩm	17.5. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt
		17.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch.	≥ 85%	≥ 85%	≥ 85%
		17.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường.	≥ 75%	≥ 75%	≥ 75%
		17.8 Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm.	100%	100%	100%

V. HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

STT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Xã 30a, xã ĐBK, xã bãi ngang	Xã còn lại
18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn.	Đạt	Đạt	Đạt
		18.2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định.	Đạt	Đạt	Đạt
		18.3. Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn “trong sạch, vững mạnh”.	Đạt	Đạt	Đạt
		18.4. Tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt loại khá trở lên.	100%	100%	100%
		18.5. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt
		18.6 Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội.	Đạt	Đạt	Đạt
19	Quốc phòng và an ninh	19.1 Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng.	Đạt	Đạt	Đạt
		19.2. Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên; không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước.	Đạt	Đạt	Đạt

QUY ĐỊNH

**Về việc đánh giá, công nhận và công bố xã đạt chuẩn nông thôn mới
vùng nông thôn tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2017 - 2020**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND
ngày 31 tháng 5 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Văn bản này quy định tiêu chuẩn đánh giá các tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới; quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2017 - 2020 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Các xã trên địa bàn tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới;

b) Các cơ quan Nhà nước, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan đến điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét công nhận và công bố xã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện

1. Việc đánh giá, xét công nhận, công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới phải được thực hiện thường xuyên, liên tục hàng năm, đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ, minh bạch, đúng điều kiện, trình tự, thủ tục và phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Các xã sau khi được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới tiếp tục nâng cao chất lượng các tiêu chí và tiến hành xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu theo hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

Điều 3. Thẩm quyền xét, công nhận và công bố

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xét, công nhận và công bố “xã đạt chuẩn nông thôn mới” trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp huyện và đề xuất của cơ quan Thường trực Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

Chương II
TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ, CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHÍ
VÀ TRÌNH TỰ, THỦ TỤC XÉT, CÔNG NHẬN VÀ CÔNG BỐ
XÃ ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI

Điều 4. Tiêu chuẩn đánh giá và công nhận đạt tiêu chí nông thôn mới

STT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đánh giá đạt
1	Quy hoạch	1.1 Có Quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt và được công bố công khai đúng thời hạn 1.2 Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch.	Xã đạt chuẩn về tiêu chí quy hoạch khi đáp ứng các yêu cầu sau: 1. Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt và được công bố công khai đúng thời hạn. 2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch.
2	Giao thông	2.1. Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hoá hoặc bê tông hoá, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm 2.2. Đường trục thôn và đường liên thôn ít nhất được cứng hoá, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm 2.3. Đường ngõ xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa 2.4. Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hoá thuận tiện quanh năm	Xã đạt chuẩn về tiêu chí giao thông khi đáp ứng các yêu cầu sau: 1. Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hoá hoặc bê tông hoá, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm đạt tỷ lệ 100%. 2. Đường trục thôn và đường liên thôn được cứng hoá, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm đạt tỷ lệ $\geq 70\%$. 3. Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa đạt tỷ lệ 100% (trong đó tỷ lệ cứng hoá đạt $\geq 70\%$.) 4. Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hoá thuận tiện quanh năm đạt tỷ lệ 100% (trong đó tỷ lệ cứng hoá đạt theo quy định đối với từng loại xã).

3	Thủy lợi	3.1 Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên	Xã đạt chuẩn về tiêu chí giao thông khi đáp ứng các yêu cầu sau: 1. Có từ 80% diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động. Diện tích đất sản xuất nông nghiệp của xã được tưới và tiêu nước chủ động $\geq 80\%$
		3.2 Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ.	Tổng diện tích đất sản xuất nông nghiệp của xã 2. Hệ thống thủy lợi đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ.
4	Điện	4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn	Xã đạt chuẩn về tiêu chí điện khi đáp ứng các yêu cầu sau: 1. Hệ thống điện đạt chuẩn theo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện. 2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn đạt tỷ lệ $\geq 98\%$.
		4.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	
5	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia.	Xã đạt chuẩn về tiêu chí trường học khi đáp ứng yêu cầu sau: Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia đạt tỷ lệ $\geq 80\%$. $\frac{\text{Số trường học có cơ sở vật chất đạt chuẩn quốc gia}}{\text{Tổng số trường học trên địa bàn xã (Mầm non, mẫu giáo, tiểu học, THCS)}} \geq 80$
6	Cơ sở vật chất văn hoá	6.1. Xã có nhà văn hoá hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hoá, thể thao của toàn xã.	Xã đạt chuẩn về tiêu chí cơ sở vật chất văn hoá khi đáp ứng các yêu cầu sau: 1. Xã có nhà văn hoá hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hoá, thể thao của toàn xã. 2. Mỗi xã có ít nhất 01 điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi. 3. Có 100 % số thôn hoặc liên thôn có nhà văn hoá hoặc nơi sinh hoạt văn hoá, thể thao phục vụ cộng đồng.
		6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định.	
		6.3. Tỷ lệ thôn có nhà văn hoá hoặc nơi sinh hoạt văn hoá, thể thao phục vụ cộng đồng	

7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hoá.	Xã đạt chuẩn tiêu chí về cơ sở hạ tầng thương mại khi đáp ứng một trong các yêu cầu sau : 1. Xã có chợ nông thôn hoặc chợ liên xã theo quy hoạch đạt chuẩn theo quy định. 2. Xã có cơ sở bán lẻ hiện đại (siêu thị mini hoặc cửa hàng tiện lợi hoặc cửa hàng kinh doanh tổng hợp) đáp ứng các yêu cầu theo quy định.	
8	Thông tin và Truyền thông	8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính	Xã đạt chuẩn tiêu chí về thông tin và truyền thông khi đáp ứng các yêu cầu sau: 1. Xã có điểm phục vụ bưu chính gồm bưu cục, điểm Bưu điện - Văn hoá xã, kiốt, đại lý, thùng thư công cộng thuộc mạng bưu chính công cộng để chấp nhận, phát thư, gói, kiện hàng hoá. 2. Xã có ít nhất 01 điểm cung cấp dịch vụ viễn thông, Internet. Trường hợp có 01 điểm dịch vụ cung cấp được cả 02 dịch vụ bưu chính và viễn thông cũng xem là đạt. 3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn hoạt động. 4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý và điều hành theo quy định của cấp có thẩm quyền.	
		8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, Internet		
		8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn		
		8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành.		
9	Nhà ở dân cư	9.1 Nhà tạm, dột nát	Xã đạt chuẩn tiêu chí về nhà ở dân cư khi đáp ứng các yêu cầu sau: 1. Trên địa bàn xã không còn hộ gia đình ở trong nhà tạm, nhà dột nát. 2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn $\geq 80\%$.	
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định.		
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đến năm 2020 (triệu đồng/người)	Xã đạt chuẩn tiêu chí về thu nhập khi có mức thu nhập bình quân đầu người đạt mức quy định sau:	
			Năm	TNBQ đầu người
			2016	≥ 27
			2017	≥ 31
			2018	≥ 35
			2019	≥ 38
2020	≥ 41			
11	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016 - 2020	Xã đạt chuẩn tiêu chí về hộ nghèo khi có tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016 - 2020 của xã $\leq 5\%$ Tỷ lệ hộ nghèo:	

			$\frac{\text{Tổng số hộ nghèo của xã (đã trừ số hộ nghèo được bảo trợ xã hội)}}{\text{Tổng số hộ dân cư của xã (đã trừ số hộ nghèo được bảo trợ xã hội)}} \times 100\%$
12	Lao động có việc làm	Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động.	Xã đạt chuẩn tiêu chí về lao động có việc làm thường xuyên khi có tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi có khả năng tham gia lao động đạt từ 90% trở lên.
13	Tổ chức sản xuất	13.1 Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012 13.2 Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững.	Xã đạt chuẩn tiêu chí về hình thức tổ chức sản xuất khi đáp ứng các yêu cầu sau: 1. Có ít nhất 01 hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012. 2. Xã có ít nhất 01 mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực của xã đảm bảo bền vững.
14	Giáo dục và đào tạo	14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xoá mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở 14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp) 14.3. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo	Xã đạt chuẩn tiêu chí về giáo dục và đào tạo khi đáp ứng các yêu cầu sau: 1. Đạt phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xoá mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở 2. Có tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp) đạt $\geq 85\%$. 3. Có tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo đạt $\geq 40\%$.
15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế 15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Xã đạt chuẩn tiêu chí về y tế khi đáp ứng các yêu cầu sau: 1. Có tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt $\geq 85\%$ 2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế được Sở Y tế xác nhận. 3. Có tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi đạt $\leq 24,2\%$.

		15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi	
16	Văn hoá	Tỷ lệ thôn đạt tiêu chuẩn văn hoá theo quy định	Xã đạt chuẩn tiêu chí về văn hoá khi có $\geq 70\%$ thôn được công nhận và giữ vững danh hiệu “Thôn văn hoá”.
17	Môi trường và an toàn thực phẩm	17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định 17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường. 17.3. Xây dựng cảnh quan môi trường xanh - sạch - đẹp. 17.4. Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch 17.5. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định 17.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch. 17.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường. 17.8 Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất - kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm.	Xã đạt chuẩn tiêu chí về Môi trường và an toàn thực phẩm khi đáp ứng các yêu cầu sau: 1. Có tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định đạt $\geq 95\%$ (trong đó $\geq 60\%$ hộ được sử dụng nước sạch). 2. Có 100% cơ sở sản xuất - kinh doanh nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường. 3. Đạt xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn. 4. Mai táng phù hợp với tín ngưỡng, phong tục, tập quán tốt, truyền thống văn hoá và theo quy hoạch. 5. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định. 6. Có tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch đạt $\geq 85\%$. 7. Có tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường đạt $\geq 75\%$. 8. Có 100% hộ gia đình và cơ sở sản xuất - kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm.
18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn. 18.2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định. 18.3. Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn “trong sạch, vững mạnh” .	Xã đạt chuẩn tiêu chí về hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật khi đáp ứng các yêu cầu sau: 1. Có 100% cán bộ, công chức xã đạt chuẩn theo quy định. 2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định. 3. Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn “Trong sạch, vững mạnh”.

		18.4. Tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt loại khá trở lên.	4. Có 100% các tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt loại khá trở lên và do tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện xét, công nhận hàng năm. 5. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định. 6. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội.
		18.5. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định	
		18.6. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội.	
19	Quốc phòng và an ninh	19.1. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng.	Xã đạt chuẩn tiêu chí về quốc phòng và an ninh khi đáp ứng các yêu cầu sau: 1. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu về quốc phòng. 2. Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên; không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước.
		19.2. Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên; không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước	

Một tiêu chí được công nhận đạt khi đạt đủ tất cả các chỉ tiêu, nội dung của tiêu chí; nếu thiếu một chỉ tiêu, nội dung theo quy định thì xem như chưa đạt.

Điều 5. Điều kiện công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới

Xã đạt chuẩn nông thôn mới, phải đảm bảo đủ các điều kiện:

1. Có đăng ký xã đạt chuẩn nông thôn mới và được Ủy ban nhân dân cấp huyện đưa vào kế hoạch thực hiện.
2. Có 100% tiêu chí thực hiện trên địa bàn xã đạt chuẩn theo quy định.
3. Không có nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới.

Điều 6. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố xã đạt chuẩn nông thôn mới

1. Đăng ký xã đạt chuẩn nông thôn mới:

a) Ủy ban nhân dân xã đăng ký xã đạt chuẩn nông thôn mới trước ngày 10 tháng 10 của năm liền kề trước năm đánh giá. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố chỉ đưa vào kế hoạch thực hiện đối với xã đã đạt chuẩn 14 tiêu chí trở lên tính đến thời điểm đăng ký và có đủ điều kiện phấn đấu đạt chuẩn trong năm đánh giá. Trường hợp xã chưa đăng ký công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới theo thời

gian quy định trên, nếu thấy đủ điều kiện thì được đăng ký công nhận bổ sung trước ngày 15 tháng 6 của năm đánh giá;

b) Ủy ban nhân dân xã nộp trực tiếp hoặc gửi theo đường bưu điện văn bản đăng ký xã đạt chuẩn nông thôn mới (01 bản, theo mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này) đến Ủy ban nhân dân cấp huyện;

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được đăng ký của Ủy ban nhân dân xã), Ủy ban nhân dân cấp huyện trả lời bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân xã về kết quả đưa vào kế hoạch thực hiện xã đạt chuẩn nông thôn mới; nêu rõ lý do đối với xã chưa được đưa vào kế hoạch thực hiện xã đạt chuẩn nông thôn mới.

2. Công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới:

Trình tự, thủ tục công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới gồm các bước:

a) Ủy ban nhân dân xã tổ chức tự đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí đạt chuẩn nông thôn mới;

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thẩm tra, đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới;

c) Ủy ban nhân dân tỉnh (Hội đồng thẩm định xã đạt chuẩn nông thôn mới tỉnh) tổ chức thẩm định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công nhận, công bố xã đạt chuẩn nông thôn mới.

3. Tổ chức tự đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới như sau:

a) Tổ chức tự đánh giá: Ủy ban nhân dân xã thành lập Đoàn đánh giá (gồm các thành viên là đại diện Ban Chỉ đạo xã, Ban Quản lý xã, các Ban Phát triển thôn) để đánh giá cụ thể thực tế mức độ đạt từng tiêu chí; Ban Quản lý xã xây dựng báo cáo đánh giá mức độ đạt từng tiêu chí, báo cáo Ủy ban nhân dân xã;

b) Tổ chức lấy ý kiến:

- Ủy ban nhân dân xã gửi báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí của xã để lấy ý kiến phản biện của Mặt trận tổ quốc xã và các tổ chức chính trị - xã hội của xã;

- Báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí của xã được thông báo, công bố công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, nhà văn hoá các thôn và trên hệ thống truyền thanh của xã trong thời gian 20 ngày để lấy ý kiến tham gia của nhân dân;

- Ủy ban nhân dân xã bổ sung hoàn thiện báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí của xã sau khi nhận được ý kiến tham gia (bằng văn bản) của Mặt trận tổ quốc xã, các tổ chức chính trị - xã hội của xã và của nhân dân trên địa bàn.

c) Hoàn thiện hồ sơ:

- Ủy ban nhân dân xã tổ chức họp (gồm các thành viên Ban Chỉ đạo xã, Ban Quản lý xã, các Ban Phát triển thôn) thảo luận, bỏ phiếu đề nghị xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới; hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới khi kết quả ý kiến nhất trí của các đại biểu tại cuộc họp phải đạt từ 90% trở lên, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện;

- Hồ sơ đề nghị xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, Ủy ban nhân dân xã nộp trực tiếp hoặc theo đường bưu điện để thẩm tra (01 bộ hồ sơ) gồm:

+ Tờ trình của Ủy ban nhân dân xã về việc thẩm tra, đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới (theo mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này);

+ Báo cáo kết quả xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã (bản chính, kèm theo biểu chi tiết kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới theo mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này);

+ Báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội của xã và nhân dân trong xã về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới của xã (bản chính, kèm theo biểu chi tiết kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới theo mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này);

+ Biên bản cuộc họp đề nghị xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới (bản chính, kèm theo biểu chi tiết kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới theo mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này);

+ Báo cáo tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trên địa bàn xã (bản chính);

+ Hình ảnh minh họa về kết quả xây dựng nông thôn mới của xã.

- Đơn vị tiếp nhận hồ sơ: Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp huyện.

4. Tổ chức thẩm tra, đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới:

a) Tổ chức thẩm tra:

- Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập Đoàn thẩm tra (gồm đại diện lãnh đạo Văn phòng điều phối nông thôn mới cấp huyện và các thành viên là đại diện lãnh đạo các cơ quan chuyên môn cấp huyện được giao phụ trách các tiêu chí nông thôn mới) để thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế mức độ đạt từng tiêu chí của từng xã; Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp huyện xây dựng báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt từng tiêu chí cho từng xã, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện;

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới của Ủy ban nhân dân xã), Ủy ban nhân dân cấp huyện trả lời bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân xã về kết quả thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế mức độ đạt từng tiêu chí của từng xã; nêu rõ lý do xã chưa được đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới.

b) Tổ chức lấy ý kiến:

- Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp danh sách các xã đủ điều kiện đề nghị xét công nhận đạt chuẩn nông thôn mới và công bố ít nhất 03 lần trên các phương tiện phát thanh, truyền hình (nếu có) và trang thông tin điện tử của huyện để lấy ý kiến nhân dân trên địa bàn huyện;

- Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt từng tiêu chí cho từng xã trên địa bàn huyện để lấy ý kiến và tiếp thu ý kiến tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện, Ủy ban nhân dân các xã

trên địa bàn huyện để hoàn thiện báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt từng tiêu chí cho từng xã đủ điều kiện đề nghị xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới;

- Mặt trận tổ quốc cấp huyện chủ trì, phối hợp với Mặt trận tổ quốc xã và các tổ chức chính trị - xã hội của xã tiến hành lấy ý kiến về sự hài lòng của người dân trên địa bàn xã đối với việc đề nghị công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới.

c) Hoàn thiện hồ sơ:

- Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức họp (gồm thành viên Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia cấp huyện và đại diện lãnh đạo các xã trên địa bàn huyện) thảo luận, bỏ phiếu đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới cho từng xã đã đủ điều kiện; hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới khi kết quả ý kiến nhất trí của các đại biểu tại cuộc họp phải đạt từ 90% trở lên và có từ 90% trở lên số hộ gia đình (trong tổng số hộ gia đình của xã được lựa chọn khảo sát, lấy ý kiến) hài lòng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Hồ sơ đề nghị xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, Ủy ban nhân dân cấp huyện nộp trực tiếp hoặc theo đường bưu điện để thẩm định (01 bộ hồ sơ) gồm:

+ Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp huyện đề nghị thẩm định, xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới (bản chính, theo mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này);

+ Báo cáo về việc thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới cho từng xã (bản chính, kèm theo biểu chi tiết thẩm tra mức độ đạt từng tiêu chí nông thôn mới cho từng xã theo mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này);

+ Báo cáo tổng hợp ý kiến của các cơ quan, tổ chức và nhân dân trên địa bàn huyện tham gia vào kết quả thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới cho từng xã (bản chính, theo mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này);

+ Biên bản cuộc họp đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới (bản chính, theo mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này);

+ Báo cáo của Ủy ban Mặt trận tổ quốc cấp huyện về kết quả lấy ý kiến về sự hài lòng của người dân trên địa bàn xã đối với việc công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới (bản chính);

+ Kèm theo hồ sơ Ủy ban nhân dân xã nộp để thẩm tra được quy định tại điểm c khoản 3 Điều 6 Quy định này.

- Đơn vị tiếp nhận hồ sơ: Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh.

5. Tổ chức thẩm định, công nhận, công bố xã đạt chuẩn nông thôn mới

a) Tổ chức thẩm định:

- Hội đồng thẩm định xét, công nhận xã đạt chuẩn của tỉnh thẩm định mức độ đạt từng tiêu chí của từng xã thuộc các huyện trên địa bàn tỉnh; Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh xây dựng báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ và mức

độ đạt từng tiêu chí nông thôn mới cho từng xã của từng huyện (trên cơ sở văn bản của các Sở, ban, ngành cấp tỉnh đánh giá, xác nhận mức độ đạt các tiêu chí được giao phụ trách), báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị xét công nhận các xã đạt chuẩn nông thôn mới của Ủy ban nhân dân cấp huyện), Ủy ban nhân dân tỉnh trả lời bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã về kết quả thẩm định mức độ đạt từng tiêu chí nông thôn mới của từng xã trên địa bàn từng huyện; nêu rõ lý do xã chưa được xét, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới.

b) Tổ chức xét công nhận:

- Hội đồng thẩm định tổ chức họp, thảo luận, bỏ phiếu xét công nhận đạt chuẩn nông thôn mới cho từng xã (cuộc họp chỉ được tiến hành khi có từ 70% trở lên số thành viên Hội đồng có mặt); Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới khi kết quả ý kiến nhất trí của các thành viên Hội đồng thẩm định tại cuộc họp phải đạt từ 90% trở lên, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định;

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh theo đề xuất của cơ quan Thường trực Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh.

c) Công bố:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố xã đạt chuẩn nông thôn mới và công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng như: Báo Ninh Thuận, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Cổng thông tin điện tử tỉnh;

- Thời hạn công bố xã đạt chuẩn nông thôn mới là không quá 60 ngày kể từ ngày quyết định công nhận. Việc tổ chức công bố xã đạt chuẩn nông thôn mới do Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện đảm bảo trang trọng, tiết kiệm, không phô trương.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Khen thưởng, kinh phí

1. Hàng năm, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định khen thưởng xã đạt chuẩn nông thôn mới.

2. Kinh phí thực hiện thẩm định hồ sơ đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới (bao gồm: họp, kiểm tra, đánh giá thực địa, khảo sát lấy ý kiến về sự hài lòng của người dân, ...) do ngân sách Nhà nước đảm bảo hàng năm.

Điều 8. Trách nhiệm thi hành

1. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh: căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm hướng dẫn chi tiết việc đánh giá, công nhận đạt chuẩn đối với từng tiêu chí thuộc lĩnh vực phụ trách trên địa bàn xã.

2. Văn phòng Điều phối chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh:

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện rà soát và tổng hợp kết quả thực hiện các tiêu chí theo Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;

- Theo dõi, tổng hợp kết quả thực hiện quy định này, đề xuất, xử lý những khó khăn, vướng mắc định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh căn cứ hướng dẫn của Ủy ban Trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam về nội dung, cách thức, quy trình lấy ý kiến về sự hài lòng của người dân đối với kết quả xây dựng nông thôn mới của các xã hướng dẫn Ủy ban Mặt trận tổ quốc huyện, xã thực hiện.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

- Theo dõi, tổng hợp tình hình thực hiện, mức độ đạt từng tiêu chí của các xã định kỳ báo cáo về Văn phòng điều phối nông thôn mới tỉnh;

- Chỉ đạo Văn phòng điều phối nông thôn mới cấp huyện hỗ trợ, hướng dẫn các xã đánh giá mức độ đạt cụ thể của từng tiêu chí;

- Tổ chức thẩm tra, đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới cho các xã.

5. Ủy ban nhân dân các xã:

- Rà soát, đánh giá mức độ đạt của từng tiêu chí theo Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới và quy định này;

- Xây dựng kế hoạch hoàn thành các tiêu chí theo đề án đã được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.

Điều 9. Điều khoản thi hành

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc cần bổ sung, sửa đổi, các cơ quan, đơn vị có ý kiến bằng văn bản gửi về Văn phòng điều phối nông thôn mới tỉnh (cơ quan giúp việc cho Ban chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020 tỉnh Ninh Thuận về chương trình xây dựng nông thôn mới) để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lưu Xuân Vĩnh